

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Bà Lương Thị Mai Dung

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên toà: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T; nơi cư trú: Thôn B, xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Hoàng Thị T là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung: Chị và anh Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 15 tháng 3 năm 2004. Sau lễ cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau chủ yếu tại xã Vnh, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh để thuận tiện cho công việc, vài tháng mới về quê tại xã T một lần. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung, đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, kinh tế chung khó khăn song anh T lại không có sự chăm lo phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Anh T bỏ về quê ở xã T sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên chị Hoàng Thị T đề nghị được

ly hôn với anh Nguyễn Hữu T. Chị và anh T có hai con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2005 và Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2009. Khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh T không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 6 năm 2022, bị đơn là anh Nguyễn Hữu T trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị T. Về con chung, anh Nguyễn Hữu T đồng ý để chị Hoàng Thị T được trực tiếp nuôi hai con là Nguyễn Thị Như Q và Nguyễn Thị Thanh B, vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung nên anh Nguyễn Hữu T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu T; đề nghị giao các con Nguyễn Thị Như Q và Nguyễn Thị Thanh B cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn là chị Hoàng Thị T, bị đơn là anh Nguyễn Hữu T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của chị Hoàng Thị T ly hôn với anh Nguyễn Hữu T

Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải, nguyên đơn giữ nguyên đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T. Bị đơn thống nhất quan điểm đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị T do xác định mâu thuẫn vợ chồng là có tồn tại, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Giữa vợ và chồng không còn sự yêu thương, quan tâm và chia sẻ cùng nhau. Từ những căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã lâm vào trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn anh T.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Hữu T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2005 và Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2009. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, các con chung đều ở cùng với chị Hoàng Thị T, được chăm sóc, học tập và phát triển bình thường. Các con có nguyện vọng được ở cùng với chị Hoàng Thị T. Anh Nguyễn Hữu T có lời khai thể hiện trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì để chị T được trực tiếp nuôi các con. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con và quy định của pháp luật, điều kiện hoàn cảnh thực tế của các đương sự, Hội đồng xét xử xét giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Thị Như Q và Nguyễn Thị Thanh B là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị Hoàng Thị T không đề nghị anh Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Hữu T thống nhất khai không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[5] Về án phí, chị Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 19 tháng 02 năm 2005 và Nguyễn Thị Thanh B, sinh ngày 26 tháng 02 năm 2009 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Các đương sự tạm thời không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0007729 ngày

25/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T, anh Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Vạn Ninh, TP Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh;
- (giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/3/2004)
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huân